

Số: **2213**/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **18** tháng **5** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Người mù quận Long Biên, thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND thành phố Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép thành lập Hội Người mù quận Long Biên, thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Người mù quận Long Biên, thành phố Hà Nội và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1184/TTr-SNV ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc phê duyệt Điều lệ Hội Người mù quận Long Biên, thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Người mù quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã được Đại hội đại biểu Hội Người mù quận Long Biên, thành phố Hà Nội lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2020.

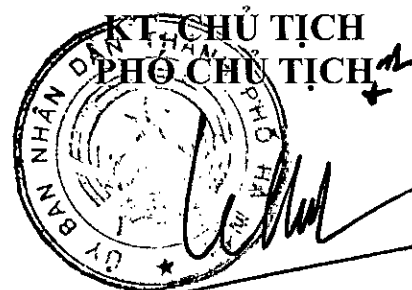
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch UBND quận Long Biên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Hội Người mù quận Long Biên, thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *sb*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND TP;
- PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn;
- Công an Thành phố; *sb*
- VP UBND TP: PCVP Võ Tuấn Anh, NC;
- Lưu: VT, NC.

8



Lê Hồng Sơn

ĐIỀU LỆ

Hội Người mù quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2213/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi và biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Người mù quận Long Biên.
- Tên tiếng Anh: Long Bien Association.
- Biểu tượng (logo): Hội có biểu tượng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Tôn chỉ: Hội Người mù quận Long Biên, thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của công dân Việt Nam là những người mù (khuyết tật nhìn), đang sinh sống, hoạt động hợp pháp trên địa bàn quận Long Biên, tự nguyện thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Mục đích: tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, tạo điều kiện để người mù khắc phục khó khăn, phấn đấu vươn lên học tập văn hóa, học nghề và làm việc để có thể tự lực trong cuộc sống, hòa nhập bình đẳng trong xã hội, góp phần vào việc phát triển kinh tế xã hội của quận Long Biên và của Thủ đô Hà Nội.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.
- Trụ sở của Hội đặt trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi quận Long Biên, trong lĩnh vực hỗ trợ, giúp đỡ người mù.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND quận Long Biên và các cơ quan chức năng có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc, tổ chức, hoạt động

- Tự nguyện, tự quản.
- Tập trung, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
- Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
- Không vì mục đích lợi nhuận.
- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên theo quy định của pháp luật, phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
3. Xây dựng, ban hành các văn bản, quy chế phục vụ công tác quản lý, điều hành các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
4. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, các chính sách an sinh xã hội của Đảng, Nhà nước dành cho Người Khuyết tật.
5. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp khác từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.
6. Được nhận các nguồn tài trợ, ủng hộ hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được nhà nước hỗ trợ kinh phí gắn với nhiệm vụ nhà nước giao.
7. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để triển khai thực hiện nhiệm vụ của Hội.
8. Thành lập các pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được UBND Thành phố phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia; trật tự xã hội; đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc; quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tuyên truyền, phổ biến để hội viên thực hiện và chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Hội. Phát huy tinh thần đoàn kết, tình đồng tộc, giúp đỡ hội viên cùng phấn đấu vươn lên hòa nhập bình đẳng với cộng đồng xã hội.
3. Quản lý các pháp nhân thuộc Hội (nếu có) và sử dụng tài chính, tài sản phục vụ các hoạt động Hội theo đúng quy định của pháp luật.
4. Tổ chức các hoạt động dạy chữ, dạy nghề, phục hồi chức năng, tạo việc làm nhằm từng bước ổn định cuộc sống, nâng cao trình độ văn hóa cho hội viên theo quy định của pháp luật.
5. Đại diện hội viên tham gia đóng góp, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ người mù và phối hợp cùng các cơ quan chức năng của quận Long Biên xây dựng, thực hiện các chương trình chăm lo đời sống cho hội viên.
6. Thực hiện hồ sơ báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường theo quy định tại Điều 2 Thông tư 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành

Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội, thực hiện hồ sơ báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền việc thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của Hội và thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký hoặc các chức danh tương đương theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Thông tư 03/2013/TT-BNV.

7. Thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với UBND quận Long Biên và các cơ quan có liên quan theo quy định; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

8. Thực hiện công tác văn thư lưu trữ theo quy định của Nhà nước gồm:

a) Lập hồ sơ danh sách hội viên, sổ sách, chứng từ về tài chính, tài sản của Hội; sổ ghi biên bản, nghị quyết các kỳ họp của Ban Chấp hành và lưu trữ thường xuyên tại trụ sở của Hội theo quy định của pháp luật.

b) Việc lưu giữ và hủy hồ sơ, tài liệu đã hết thời hạn phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

10. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

11. Tham gia đầy đủ và có trách nhiệm với các tổ chức mà Hội tham gia là tổ chức thành viên.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức là công dân Việt Nam từ đủ 15 (mười lăm) tuổi trở lên, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nguyên nhân mù; có thị lực từ 0,5/10 trở xuống (căn cứ vào kết luận của khoa mắt bệnh viện từ cấp Huyện trở lên); đang sinh sống, làm việc hợp pháp trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội; tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội thì được Ban Chấp hành Hội xem xét, kết nạp là hội viên.

2. Hội viên danh dự là các tổ chức, công dân Việt Nam không có đủ điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn là hội viên chính thức của Hội, có tâm huyết với công tác Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội thì được Ban Chấp hành xem xét, công nhận là hội viên danh dự của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật và được thụ hưởng các nguồn lực, chương trình, hoạt động trợ giúp của Hội cho người mù gồm: học tập, học nghề, tạo việc làm, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ vật chất khi đời sống gặp khó khăn.

2. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội; được góp ý, chất vấn lãnh đạo Hội, cán bộ, hội viên trong các buổi sinh hoạt Hội.

3. Được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

5. Được dự đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

6. Được xin ra khỏi Hội khi xét thấy không có điều kiện sinh hoạt và tham gia các hoạt động của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, quy chế, nghị quyết của Hội, tích cực tham gia các hoạt động Hội; vận động, giúp đỡ, giới thiệu hội viên mới vào sinh hoạt Hội.

2. Đoàn kết, chia sẻ, hợp tác với các hội viên khác để cùng phấn đấu thực hiện các mục tiêu xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Tích cực học tập, rèn luyện; chủ động vượt khó vươn lên xây dựng cuộc sống gia đình ấm no hạnh phúc. Thực hiện nếp sống văn minh tại nơi cư trú và trong môi trường sinh hoạt Hội. Giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống, đạo lý dân tộc.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

6. Đóng hội phí đầy đủ đúng thời gian theo quy định.

Điều 11. Thủ tục gia nhập Hội, thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục gia nhập Hội:

Công dân Việt Nam muốn gia nhập Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Khi hội viên có nguyện vọng xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành nêu rõ lý do, Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định.

b) Hội viên hoạt động trái với pháp luật Việt Nam, trái với Điều lệ Hội, không chấp hành Nghị quyết, vi phạm các quy định của Hội thì Ban Chấp hành xem xét thì hành kỷ luật khai trừ hội viên ra khỏi Hội.

c) Việc hội viên xin ra Hội, khai trừ khỏi Hội sẽ được thông báo cho toàn thể hội viên biết.

3. Tư cách hội viên bị chấm dứt trong các trường hợp sau

a) Cá nhân bị mất quyền công dân;

b) Cá nhân không còn mang quốc tịch Việt Nam;

c) Cá nhân chết, mất tích (theo xác định của cơ quan có thẩm quyền);

4. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự kết nạp hội viên, xóa tên hội viên phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

5. Ban Chấp hành Hội có trách nhiệm quản lý hội viên, báo cáo số lượng hội viên gia nhập Hội, ra khỏi Hội hàng năm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC, CỦA HỘI

Điều 12. Tổ chức của Hội gồm:

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường trực.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn (nếu có).
6. Tổ chức cơ sở thuộc Hội (nếu có).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) số Ủy viên Ban Chấp hành nhất trí hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đồng ý.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu được coi là hợp pháp khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức tham dự đại hội.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận, thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, phương hướng, nhiệm vụ của Hội nhiệm kỳ mới; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm tra, Báo cáo tài chính nhiệm kỳ;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung, nếu có); việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

d) Thông qua nghị quyết Đại hội;

đ) Các nội dung khác (nếu có).

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Các nghị quyết của Đại hội chỉ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ Đại hội; nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Ban Chấp hành do Đại hội bầu trong số các đại biểu chính thức dự Đại hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Hội giữa hai kỳ đại hội;

- b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;
- c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu; Quy chế giải quyết tranh chấp, khiếu nại, khen thưởng, kỷ luật của Hội; các quy định nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường trực, bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

- g) Xem xét kết nạp hội viên mới.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành định kỳ 06 (sáu) tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành bằng nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

15. Ban Thường trực

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành, số lượng không quá 1/3 số lượng Ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường trực gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập, quy định nhiệm vụ, quyền hạn các tổ chức cơ sở thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội;

d) Giúp Ban Chấp hành tổ chức, điều hành và quản lý văn phòng Hội và các bộ phận chuyên trách;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường trực 03 (ba) tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường trực.

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có trên 1/2 Ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d) Các Nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 1/2 tổng số Ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và các Ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Bầu Trưởng ban Kiểm tra;

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

c) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Trung ương và Thành phố.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND Thành phố, UBND quận Long Biên, trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội; Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Phó Chủ tịch

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội:

a) Giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội;

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực, công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn, tổ chức cơ sở trực thuộc Hội

1. Căn cứ tình hình thực tế, Ban Chấp hành Hội quyết định thành lập Văn phòng Hội, các ban chuyên môn và các tổ chức cơ sở thuộc Hội.

2. Văn phòng Hội và các ban chuyên môn là cơ quan giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội hoặc Phó Chủ tịch Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội. Văn phòng Hội và các ban chuyên môn hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành phê duyệt.

3. Các tổ chức cơ sở thuộc Hội do Hội thành lập, gồm chi hội, câu lạc bộ, các tổ chức khác hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và các quy chế, quy định của Hội. Tổ chức cơ sở thuộc Hội không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính và tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội:

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ gắn với nhiệm vụ được giao.

- Hội phí do hội viên đóng góp.

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Chi cho các hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.
- Mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ công tác của Hội theo quy định của Nhà nước.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quản lý tài chính, sử dụng tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý tài chính, sử dụng tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, hội viên có nhiều thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ của Hội thì được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét khen thưởng.
2. Các hình thức khen thưởng của Hội do Ban Chấp hành Hội xây dựng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, hội viên thuộc Hội vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, bãi miễn chức vụ (nếu có), khai trừ ra khỏi Hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội Hội Người mù quận Long Biên, thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải

được 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết thông qua và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật mới có hiệu lực thực hiện.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Người mù quận Long Biên, thành phố Hà Nội gồm 08 (tám) Chương, 26 (hai mươi sáu) Điều, đã được Đại hội đại biểu Hội Người mù quận Long Biên khóa IV, nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Người mù quận Long Biên, thành phố Hà Nội khóa IV nhiệm kỳ 2020-2025 có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.

